



CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

CÔNG BÁO

Do UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Tháng 8

Số 75 (01/8/2009)

MỤC LỤC

Ngày ban hành	Trích yếu nội dung	Trang
HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ		
09-7-2009	- Nghị quyết số 03/2009/NQ-HĐND kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2009.	3
09-7-2009	- Nghị quyết số 04/2009/NQ-HĐND về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao từ sổ gốc, lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh.	7
09-7-2009	- Nghị quyết số 05/2009/NQ-HĐND về việc miễn thu lệ phí hộ tịch đối với người Lào theo Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ.	9
09-7-2009	- Nghị quyết số 06/2009/NQ-HĐND về điều chỉnh trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội và tiền ăn cho đối tượng xã hội bị ốm đau nằm điều trị tại cơ sở y tế của các đơn vị sự nghiệp do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Lực lượng Thanh niên xung phong và Sở Y tế thành phố quản lý.	11
09-7-2009	- Nghị quyết số 07/2009/NQ-HĐND về điều chỉnh chế độ trợ cấp khuyến khích người có trình độ đại học công tác tại phường - xã, thị trấn.	13

-
- | | | | |
|-----------|---|---|----|
| 09-7-2009 | - | Nghị quyết số 08/2009/NQ-HĐND về việc thu phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ trên địa bàn thành phố. | 15 |
| 09-7-2009 | - | Nghị quyết số 09/2009/NQ-HĐND về công tác Dân số và Kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2009 - 2010. | 19 |
| 09-7-2009 | - | Nghị quyết số 10/2009/NQ-HĐND về thực hiện chế độ phụ cấp đối với cán bộ, viên chức làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy. | 22 |

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

- | | | | |
|-----------|---|---|----|
| 07-7-2009 | - | Quyết định số 50/2009/QĐ-UBND về việc ban hành Quy định tuyển dụng viên chức ngành giáo dục và đào tạo thành phố. | 24 |
| 07-7-2009 | - | Quyết định số 51/2009/QĐ-UBND về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố. | 32 |

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12

- | | | | |
|-----------|---|---|----|
| 09-7-2009 | - | Quyết định số 07/2009/QĐ-UBND về việc ban hành Quy chế Tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội. | 47 |
|-----------|---|---|----|

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 03/2009/NQ-HĐND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 7 năm 2009

NGHỊ QUYẾT

Kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2009

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 16 (Từ ngày 07 đến ngày 09 tháng 7 năm 2009)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2008/NQ-QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động 2004 - 2009 của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp;

Xét nội dung các báo cáo của Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân; Báo cáo của Ủy ban nhân dân và các cơ quan hữu quan; Báo cáo thẩm tra số 181/BCTT-KTNS của Ban Kinh tế và Ngân sách ngày 02 tháng 7 năm 2009; Thông báo của Chủ tịch Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Tán thành với báo cáo 6 tháng đầu năm 2009 của Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân thành phố;

Tán thành báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố và của các cơ quan hữu quan về đánh giá tình hình kinh tế - xã hội thành phố 6 tháng đầu năm, các nhiệm vụ trọng tâm, giải pháp chủ yếu 6 tháng cuối năm 2009.

Hội đồng nhân dân thành phố nhấn mạnh một số nhiệm vụ sau:

I. Đánh giá kết quả thực hiện Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố 6 tháng đầu năm 2009:

Mặc dù có nhiều khó khăn do ảnh hưởng của khủng hoảng kinh tế thế giới nhưng với sự tập trung lãnh đạo, chỉ đạo của Trung ương, sự nỗ lực của Đảng bộ, chính quyền, của các cấp, các ngành thành phố và sự năng động, sáng tạo của các tầng lớp nhân dân, đã góp phần ổn định sản xuất - kinh doanh, ngăn chặn suy giảm kinh tế. Các lĩnh vực công nghiệp, nông nghiệp, dịch vụ đều có sự tăng trưởng, tiến độ giải ngân vốn đầu tư xây dựng cơ bản có tiến bộ, chỉ số giá tiêu dùng tăng ở mức thấp; công tác bảo đảm an sinh xã hội được tăng cường, chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng an ninh tiếp tục được giữ vững.

Tuy nhiên tốc độ tăng trưởng kinh tế đạt thấp, chưa có sự chuyển động mạnh theo hướng tái cơ cấu nền kinh tế, tái cơ cấu doanh nghiệp và cơ cấu lao động; tiến độ thực hiện các công trình trọng điểm chậm gây lãng phí và khó khăn trong sinh hoạt của người dân; đời sống nhân dân, nhất là người có thu nhập thấp còn nhiều khó khăn; phạm pháp hình sự, tai nạn giao thông tuy có giảm nhưng vẫn còn ở mức cao và phức tạp.

Việc thực hiện nếp sống văn minh đô thị mới đạt kết quả bước đầu.

II. Nhiệm vụ kinh tế - xã hội 6 tháng cuối năm 2009:

Hội đồng nhân dân thành phố nhất trí nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu đã được nêu trong báo cáo của Ủy ban nhân dân thành phố. Trong quá trình điều hành thực hiện nhiệm vụ chỉ tiêu kinh tế - xã hội, thu chi ngân sách, an ninh quốc phòng 6 tháng cuối năm 2009, Ủy ban nhân dân thành phố cần lưu ý:

1. Tiếp tục triển khai các chủ trương, chính sách về kích cầu đầu tư và tiêu dùng và các biện pháp nhằm đẩy mạnh sản xuất, tiêu thụ hàng hóa và tìm kiếm cơ hội xuất khẩu. Tập trung hơn nữa vào những lĩnh vực có thể tăng trưởng tốt như đầu tư xây dựng, thương mại - dịch vụ, du lịch, nông nghiệp; đẩy nhanh tốc độ chuyển dịch cơ cấu và tái cấu trúc nền kinh tế thành phố; giám sát chặt chẽ, tránh tình trạng sử dụng vốn ngân sách, vốn phân cấp không đúng mục đích, thất thoát và lãng phí.

2. Tăng cường phối hợp các ngành, các cấp trong hoạt động kiểm tra, kiểm soát thị trường; xử lý nghiêm các hành vi vi phạm về giá, gian lận thương mại, đầu cơ, buôn lậu; triển khai có hiệu quả công tác bình ổn giá và cân đối cung - cầu trên địa bàn thành phố. Triển khai các giải pháp phòng ngừa lạm phát.

3. Đẩy mạnh tiến độ thi công các công trình trọng điểm, các dự án dân sinh, đảm

bảo chất lượng công trình và hạn chế ảnh hưởng đến cuộc sống người dân. Tăng cường giám sát, kiểm tra các dự án xử lý rác và chất thải rắn.

4. Thực hiện tốt chính sách an sinh xã hội và chăm lo đời sống diện chính sách, người nghèo và các đối tượng xã hội; có chính sách, biện pháp giải quyết việc làm cho người lao động; chăm lo phát triển và đẩy mạnh xã hội hóa trong các lĩnh vực giáo dục - đào tạo, văn hóa, y tế, thể dục thể thao.

5. Tăng cường công tác vệ sinh an toàn thực phẩm, có lộ trình giải quyết các vấn đề tồn tại như cấp giấy chứng nhận và hậu kiểm, quy hoạch cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm, chợ đầu mối thực phẩm, kiểm soát ô nhiễm vi sinh và tồn dư hóa chất trong thực phẩm; kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý nhà nước, thanh tra chuyên ngành; đẩy mạnh xã hội hóa một số khâu dịch vụ kỹ thuật. Thực hiện tốt công tác kiểm tra phòng, chống dịch bệnh như: sốt xuất huyết, cúm A (H1N1), không để lây lan dịch bệnh trên địa bàn.

6. Tập trung giải quyết có hiệu quả các vấn đề xã hội bức xúc; thường xuyên theo dõi tình hình hoạt động của các doanh nghiệp, có biện pháp hỗ trợ tìm việc làm mới cho công nhân bị mất việc; hỗ trợ công nhân nâng cao trình độ tay nghề; giải quyết kịp thời các vụ tranh chấp, không để xảy ra đình công, lãn công ảnh hưởng đến việc làm, đời sống của công nhân và hoạt động doanh nghiệp. Nhanh chóng hoàn thành quy hoạch 1/2000, rà soát các dự án để có công bố công khai về quy hoạch. Sơ kết, đánh giá tình hình đời sống của người dân tạm cư, tái định cư, kịp thời có chính sách, hỗ trợ có hiệu quả người tái định cư.

7. Đẩy mạnh công tác cải cách hành chính, công tác thanh tra, giải quyết khiếu nại tố cáo và phòng, chống tham nhũng; tăng cường công tác tuần tra, kiểm soát, xử lý nghiêm các vi phạm về an toàn giao thông. Tiếp tục thực hiện Chương trình mục tiêu 3 giảm. Chủ động phòng ngừa và đề cao cảnh giác mọi hành vi phá hoại của bọn xấu, tung tin đồn nhảm, đầu cơ trục lợi, gian lận thương mại, gây ra tình hình bất ổn về kinh tế - xã hội.

8. Theo dõi sát diễn biến tình hình kinh tế thế giới và trong nước để có sự chỉ đạo kịp thời và phù hợp, đồng thời báo cáo với Chính phủ những vấn đề vượt thẩm quyền. Chủ động cung cấp thông tin về các chủ trương, chính sách, các giải pháp trong chỉ đạo, điều hành để tạo sự đồng thuận trong toàn xã hội, cùng nhau phát huy tinh thần năng động, sáng tạo, hoàn thành thắng lợi các chỉ tiêu, nhiệm vụ kinh tế - xã hội thành phố năm 2009.

9. Tiếp tục triển khai các hoạt động thiết thực và hiệu quả “Năm 2009 - Năm thực hiện nếp sống văn minh đô thị”.

III. Tổ chức thực hiện:

Hội đồng nhân dân thành phố giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai, tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Giao Thường trực và các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố phối hợp hoạt động, tăng cường giám sát, kịp thời đôn đốc việc thực hiện Nghị quyết.

Đề nghị Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam thành phố, các tổ chức thành viên và các báo đài tuyên truyền, phổ biến động viên các tầng lớp nhân dân tích cực thực hiện Nghị quyết; kịp thời phát hiện, phản ánh những vấn đề cần điều chỉnh, bổ sung với các cơ quan có thẩm quyền.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố khóa VII kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2009./.

CHỦ TỊCH

Phạm Phương Thảo

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 04/2009/NQ-HĐND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 7 năm 2009

NGHỊ QUYẾT

**Về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí
cấp bản sao từ sổ gốc, lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính,
chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 16 (Từ ngày 07 đến ngày 09 tháng 7 năm 2009)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2008/NQ-QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động 2004 - 2009 của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí và Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 79/2007/NĐ-CP ngày 18 tháng 5 năm 2007 của Chính phủ về cấp bản sao từ sổ gốc, chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký quy định;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư liên tịch số 92/2008/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 10 năm

2008 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực;

Xét Tờ trình số 3078/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao từ sổ gốc, lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh; Báo cáo thẩm tra số 180/BCTT-KTNS ngày 01 tháng 7 năm 2009 của Ban Kinh tế và Ngân sách; ý kiến của các vị đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 3078/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao từ sổ gốc, lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh. Cụ thể như sau:

1. Đồng ý áp dụng khung mức thu đối với lệ phí cấp bản sao từ sổ gốc (trừ việc cấp bản sao từ sổ gốc các giấy tờ hộ tịch), lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký bằng mức thu tối đa quy định tại Thông tư liên tịch số 92/2008/TTLT-BTC-BTP ngày 17 tháng 10 năm 2008 của Bộ Tài chính và Bộ Tư pháp hướng dẫn về mức thu, chế độ thu, nộp, quản lý và sử dụng lệ phí cấp bản sao, lệ phí chứng thực;

2. Cho phép Phòng Tư pháp quận, huyện và Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn được giữ lại 20% lệ phí cấp bản sao từ sổ gốc, lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký thu được, số còn lại phải nộp vào ngân sách nhà nước. Việc sử dụng lệ phí cấp bản sao từ sổ gốc, lệ phí chứng thực bản sao từ bản chính, chứng thực chữ ký để lại phải thực hiện đúng quy định của pháp luật.

3. Thời gian thực hiện từ ngày 01 tháng 8 năm 2009.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2009./.

CHỦ TỊCH

Phạm Phương Thảo

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 05/2009/NQ-HĐND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 7 năm 2009

NGHỊ QUYẾT

**Về việc miễn thu lệ phí hộ tịch đối với người Lào
theo Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2009
của Thủ tướng Chính phủ**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 16
(Từ ngày 07 đến ngày 09 tháng 7 năm 2009)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2008/NQ-QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động 2004 - 2009 của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp;

Căn cứ Pháp lệnh Phí và lệ phí số 38/2001/PL-UBTVQH10 ngày 28 tháng 8 năm 2001;

Căn cứ Nghị định số 24/2006/NĐ-CP ngày 06 tháng 3 năm 2006 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 57/2002/NĐ-CP ngày 03 tháng 6 năm 2002 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Pháp lệnh Phí và lệ phí;

Căn cứ Thông tư số 97/2006/TT-BTC ngày 16 tháng 10 năm 2006 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phí và lệ phí thuộc thẩm quyền quyết định của Hội đồng nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ về việc miễn lệ phí quốc tịch, lệ phí hộ tịch đối với người Lào di cư sang Việt Nam đã được cấp phép cư trú ổn định và có nguyện vọng xin nhập quốc tịch Việt Nam;

Xét Tờ trình số 3240/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc miễn thu lệ phí hộ tịch đối với người Lào theo Quyết định số

206/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ; Báo cáo thẩm tra số 193/BC-PC ngày 06 tháng 7 năm 2009 của Ban Pháp chế và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 3240/TTr-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc miễn thu lệ phí hộ tịch đối với người Lào theo Quyết định số 206/QĐ-TTg ngày 12 tháng 02 năm 2009 của Thủ tướng Chính phủ. Cụ thể: miễn thu lệ phí hộ tịch đối với người Lào di cư sang Việt Nam đã được cấp phép cư trú ổn định trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 và có nguyện vọng xin nhập quốc tịch Việt Nam khi có yêu cầu giải quyết các công việc về hộ tịch trên địa bàn thành phố.

Thời gian thực hiện: Từ ngày 01 tháng 8 năm 2009.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2009./.

CHỦ TỊCH

Phạm Phương Thảo

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 06/2009/NQ-HĐND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 7 năm 2009

NGHỊ QUYẾT

Về điều chỉnh trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội và tiền ăn cho đối tượng xã hội bị ốm đau nằm điều trị tại cơ sở y tế của các đơn vị sự nghiệp do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Lực lượng Thanh niên xung phong và Sở Y tế thành phố quản lý

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 16 (Từ ngày 07 đến ngày 09 tháng 7 năm 2009)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2008/NQ-QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động 2004 - 2009 của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp;

Xét Tờ trình số 3073/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội và tiền ăn thêm cho đối tượng xã hội bị ốm đau, nằm điều trị tại cơ sở y tế của các đơn vị sự nghiệp do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Lực lượng Thanh niên xung phong và Sở Y tế thành phố quản lý; Báo cáo thẩm tra số 182/BCTT-VHXXH ngày 02 tháng 7 năm 2009 của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 3073/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về tăng trợ cấp nuôi dưỡng hàng tháng cho đối tượng bảo trợ xã hội và tiền ăn thêm cho đối tượng xã hội bị ốm đau, nằm điều trị tại

cơ sở y tế của các đơn vị sự nghiệp do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Lực lượng Thanh niên xung phong và Sở Y tế thành phố quản lý. Cụ thể như sau:

1.1. Điều chỉnh trợ cấp sinh hoạt phí (tiền ăn) từ 180.000 đồng/người/ tháng lên 240.000 đồng/người/tháng:

Đối tượng áp dụng: Người lang thang trong độ tuổi lao động, người tàn tật nhẹ, nữ từ 55 tuổi đến 60 tuổi, trẻ em đang quản lý tại Trung tâm Bảo trợ xã hội Chánh Phú Hòa và bệnh nhân phong tại Khu điều trị phong Bến Sắn thuộc Sở Y tế.

Thời gian được hưởng trợ cấp tiền ăn được tính từ khi có quyết định tiếp nhận đối tượng vào nuôi dưỡng tập trung cho đến khi được giải quyết hồi gia, hòa nhập cộng đồng.

1.2. Điều chỉnh chế độ ăn thêm từ 5.000 đồng/người bệnh/ngày lên 7.000 đồng/người bệnh/ngày.

Đối tượng áp dụng: người cai nghiện ma túy, người bán dâm và đối tượng bảo trợ xã hội khi bị ốm đau, nằm điều trị tại cơ sở y tế của các đơn vị sự nghiệp do Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Lực lượng Thanh niên xung phong thành phố và các khoa điều trị của Khu điều trị phong Bến Sắn, Bệnh viện Tâm thần, Bệnh viện Nhân Ái do Sở Y tế quản lý.

Thời gian được tính theo số ngày thực tế nằm điều trị.

2. Thời gian thực hiện chế độ trợ cấp từ ngày 01 tháng 7 năm 2009.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2009./.

CHỦ TỊCH

Phạm Phương Thảo

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2009/NQ-HĐND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 7 năm 2009

NGHỊ QUYẾT

**Về điều chỉnh chế độ trợ cấp khuyến khích người có trình độ
đại học công tác tại phường - xã, thị trấn**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 16
(Từ ngày 07 đến ngày 09 tháng 7 năm 2009)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2008/NQ-QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động 2004 - 2009 của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp;

Căn cứ vào Tờ trình số 3187/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc điều chỉnh chế độ trợ cấp khuyến khích người có trình độ đại học công tác tại phường - xã, thị trấn; Báo cáo thẩm tra số 188/BC-PC ngày 06 tháng 7 năm 2009 của Ban Pháp chế - Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 3187/TTr-UBND ngày 30 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố tại kỳ họp về việc điều chỉnh chế độ trợ cấp khuyến khích người có trình độ đại học công tác tại phường - xã, thị trấn trên địa bàn thành phố. Cụ thể như sau:

1. Điều chỉnh mức trợ cấp khuyến khích người có trình độ đại học công tác tại phường - xã, thị trấn tăng 25% so với mức cũ:

1.1. Cán bộ, công chức công tác ở phường:

- Đối với người có trình độ đại học chính quy: Mức trợ cấp được điều chỉnh tăng từ 600.000 đồng/người/tháng lên 750.000 đồng/người/tháng;

- Đối với người có trình độ đại học các hệ còn lại: Mức trợ cấp được điều chỉnh tăng từ 400.000 đồng/người/tháng lên 500.000 đồng/người/tháng.

1.2. Cán bộ, công chức ở xã, thị trấn:

- Đối với người có trình độ đại học chính quy: Mức trợ cấp được điều chỉnh tăng từ 800.000 đồng/người/tháng lên 1.000.000 đồng/người/tháng;

- Đối với người có trình độ đại học các hệ còn lại: Mức trợ cấp được điều chỉnh tăng từ 500.000 đồng/người/tháng lên 625.000 đồng/người/tháng.

2. Ngoài sự hỗ trợ trên, Ủy ban nhân dân các cấp quan tâm đào tạo, bồi dưỡng xây dựng đội ngũ công chức cơ sở, tạo môi trường để cán bộ, công chức làm việc tốt.

3. Thời gian thực hiện: từ ngày 01 tháng 7 năm 2009.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2009./.

CHỦ TỊCH

Phạm Phương Thảo

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 08/2009/NQ-HĐND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 7 năm 2009

NGHỊ QUYẾT

**Về việc thu phí lưu giữ, bảo quản tang vật,
phương tiện bị tạm giữ trên địa bàn thành phố**

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 16 (Từ ngày 07 đến ngày 09 tháng 7 năm 2009)

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2008/NQ-QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động 2004 - 2009 của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp;

Xét Tờ trình số 3117/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thu phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ trên địa bàn thành phố; báo cáo thẩm tra số 192/BC-PC ngày 06 tháng 7 năm 2009 của Ban Pháp chế - Hội đồng nhân dân thành phố và ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 3117/TTr-UBND ngày 26 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về việc thu phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ trên địa bàn thành phố. Cụ thể như sau:

1. Mức thu:

a) Phương tiện giao thông đường bộ:

Đơn vị tính: đồng

STT	Loại phương tiện	Mức thu	
		Mức phí (đồng/ngày đêm)	Chi phí bốc xếp, vận chuyển, điện, nước (đồng/lần tạm giữ)
1	Xe đạp, xe điện, xe điện 1 bánh	3.000	1.500
2	Xe ba gác, xích lô đạp, xe đẩy tay, xe mô tô gắn máy 02 bánh các loại	6.000	8.000
3	Xe 03 bánh gắn máy các loại	16.000	8.000
4	Xe ô tô từ 04 đến 09 chỗ ngồi, xe tải dưới 3,5 tấn	40.000	20.000
5	Xe ô tô từ 10 đến 30 chỗ ngồi, xe tải 3,5 tấn đến 7,5 tấn	60.000	30.000
6	Xe ô tô trên 30 chỗ ngồi, xe tải trên 7,5 tấn	80.000	40.000
7	Xe đầu kéo chở container dưới 20 feet	160.000	80.000
8	Xe đầu kéo chở container 40 feet, xe siêu trường siêu trọng, các loại xe chuyên dùng: xe lu, xe làm đường trải nhựa nóng, xe bồn, xe cầu,...	200.000	100.000

b) Phương tiện giao thông đường thủy:

Đơn vị tính: đồng/phương tiện/ngày đêm

STT	Đối tượng thu	Mức thu
1	Phương tiện sông thô sơ, gia dụng:	5.000
2	Phương tiện chở hàng (ghe)	
2.1	Trọng tải dưới 50 tấn	5.000
2.2	Trọng tải từ 50 tấn đến 200 tấn	10.000
2.3	Trọng tải trên 200 tấn	20.000
3	Phương tiện chở khách	
3.1	Trọng tải dưới 50 ghế	10.000
3.2	Trọng tải từ 50 ghế đến 100 ghế	15.000
3.3	Trọng tải trên 101 ghế	30.000
4	Canô du lịch	

4.1	Công suất máy < 50CV	15.000
4.2	Công suất máy từ 50CV đến 90CV	30.000
4.3	Công suất máy trên 90CV	60.000
5	Xà lan	
5.1	Trọng tải < 250 tấn	30.000
5.2	Trọng tải từ 250 tấn đến 500 tấn	45.000
5.3	Trọng tải trên 500 tấn	75.000
6	Tàu kéo	
6.1	Công suất máy < 50CV	7.500
6.2	Công suất máy từ 50CV đến 90CV	15.000
6.3	Công suất máy trên 90CV	30.000
7	Mức thu phí bảo quản, bảo vệ tang vật trên phương tiện vi phạm (chỉ tính riêng cho vật liệu xây dựng như: cát, sỏi, đá)	
7.1	Trọng tải < 10 tấn	7.500
7.2	Trọng tải từ 10 tấn đến 100 tấn	15.000
7.3	Trọng tải trên 100 tấn đến 250 tấn	30.000
7.4	Trọng tải trên 250 tấn đến 500 tấn	45.000
7.5	Trọng tải trên 500 tấn	75.000

c) Gỗ:

Đơn vị tính: đồng/m³/ngày đêm

STT	Loại gỗ	Mức thu
1	Gỗ quý hiếm các loại	10.000
2	Gỗ thông thường các loại	6.000

d) Các loại hàng hóa khác:

Đơn vị tính: đồng/m²/ngày đêm

STT	Loại kho	Mức phí (đồng/m ² /ngày đêm)
1	Kho kiên cố (kho thông dụng được xây dựng bằng vật liệu kiên cố: cột, kèo thép hoặc bê tông, mái lợp tole hoặc bê tông, tường rào bao che xây gạch, nền bê tông hoặc láng xi măng).	1.300

STT	Loại kho	Mức phí (đồng/ m ² /ngày đêm)
2	Kho bán kiên cố (kho thông dụng có kết cấu không thuộc kho kiên cố như kèo gỗ, mái lợp ngói hoặc fibro, vách gỗ hoặc tole).	800
3	Bãi kiên cố (là bãi có kết cấu kiên cố bằng bê tông xi măng hoặc bê tông nhựa, chịu lực, có hạ tầng đầy đủ).	400
4	Bãi thường (là bãi đất đá dăm hoặc bê tông gạch vỡ).	300

2. Việc quản lý và sử dụng số tiền phí thu được:

- Tổ chức thu phí đã được ngân sách bảo đảm kinh phí cho hoạt động thu phí theo dự toán hàng năm thì tổ chức thu phải nộp toàn bộ số tiền phí thu được vào ngân sách nhà nước (cơ quan cấp thành phố nộp vào ngân sách thành phố, cơ quan cấp quận, huyện nộp vào ngân sách quận, huyện).

- Đối với tổ chức chuyên doanh trông giữ tài sản: phí lưu giữ, bảo quản tang vật, phương tiện bị tạm giữ là doanh thu của tổ chức đó; tổ chức thu phí có nghĩa vụ nộp thuế theo quy định của pháp luật đối với số phí thu được (theo quy định tại Thông tư số 19/2007/TT-BTC ngày 13 tháng 3 năm 2007).

- Đối với đơn vị sự nghiệp có thu (tự cân đối một phần hoặc toàn bộ kinh phí hoạt động): cơ quan thu phí được để lại 100% số phí thu được để bù đắp chi phí cần thiết phục vụ cho việc tạm giữ tang vật, phương tiện: thuê kho bãi, trả lương cho lực lượng trông giữ và các khoản chi phí liên quan.

Riêng đối với Công an thành phố được giữ lại 100% số tiền phí trông giữ phương tiện bị tạm giữ do vi phạm hành chính về trật tự an toàn giao thông.

3. Thời gian thực hiện: từ ngày 01 tháng 8 năm 2009.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố có kế hoạch tổ chức thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2009./.

CHỦ TỊCH

Phạm Phương Thảo

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 09/2009/NQ-HĐND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 7 năm 2009

NGHỊ QUYẾT

**Về công tác Dân số và Kế hoạch hóa gia đình
trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2009 - 2010**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 16
(Từ ngày 07 đến ngày 09 tháng 7 năm 2009)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2008/NQ-QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động 2004 - 2009 của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp;

Căn cứ Quyết định số 09/2006/QĐ-TTg ngày 10 tháng 01 năm 2006 của Thủ tướng Chính phủ về việc ban hành Chương trình hành động của Chính phủ thực hiện Nghị quyết số 47-NQ/TW ngày 22 tháng 3 năm 2005 của Bộ Chính trị về tiếp tục đẩy mạnh thực hiện chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình;

Căn cứ Quyết định số 170/2007/QĐ-TTg ngày 08 tháng 11 năm 2007 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia Dân số và Kế hoạch hóa gia đình giai đoạn 2006 - 2010;

Xét Tờ trình số 3055/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố về đề nghị ban hành Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố chuyên đề công tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình; Báo cáo thẩm tra số 182/BCTT-VHXH ngày 02 tháng 7 năm 2009 của Ban Văn hóa - Xã hội và ý kiến của các đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình của Ủy ban nhân dân thành phố về công

tác Dân số - Kế hoạch hóa gia đình trên địa bàn thành phố Hồ Chí Minh giai đoạn 2009 - 2010 và nhấn mạnh một số nội dung chủ yếu sau:

1. Mục tiêu:

- Tập trung mọi nỗ lực để mỗi cặp vợ chồng chỉ có một hoặc hai con nhằm duy trì tổng tỷ suất sinh của thành phố ở mức 1,57 con trên một cặp vợ chồng trong độ tuổi sinh đẻ. Phân đầu thực hiện quy mô dân số thành phố khoảng 7,2 triệu người vào năm 2010.

- Nâng cao chất lượng dân số về thể chất, trí tuệ, tinh thần nhằm đáp ứng nguồn nhân lực phục vụ cho sự nghiệp công nghiệp hóa, hiện đại hóa của thành phố.

2. Các chỉ tiêu chủ yếu:

- Giảm tỷ lệ sinh bình quân hàng năm 0,1‰;

- Giảm tỷ lệ trẻ sinh ra là con thứ 3 trở lên 0,2%/năm so năm trước;

- Phân đầu giảm thiểu mất cân bằng giới tính khi sinh sau mỗi năm, phân đầu hạ tỷ số giới tính khi sinh giảm xuống mỗi năm.

- Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng trẻ em dưới 5 tuổi khoảng 1%/năm, để đến 2010 tỷ lệ này còn 6%.

- Giảm tỷ lệ nạo phá thai 10%/năm so với năm trước.

3. Nhiệm vụ và các giải pháp chính:

- Tập trung tuyên truyền, vận động, giáo dục toàn diện về dân số - kế hoạch hóa gia đình với các mục tiêu về giảm sinh, cơ cấu dân số và chất lượng dân số; tăng cường tuyên truyền, giáo dục ở vùng sâu, vùng xa, địa bàn khó khăn, người dân nhập cư, người còn trong độ tuổi sinh đẻ. Cán bộ, công chức, viên chức gương mẫu đi đầu thực hiện chính sách Dân số - Kế hoạch hóa gia đình.

- Các cấp chính quyền tăng cường công tác thanh tra, kiểm tra việc thực hiện Pháp lệnh Dân số, tập trung các nội dung kiểm tra hành vi tuyên truyền phổ biến phương pháp tạo giới tính thai nhi, hành vi sử dụng siêu âm để xác định giới tính thai nhi và thực hiện các hình thức loại bỏ thai nhi như sử dụng hóa chất, thuốc và thủ thuật vì lý do lựa chọn giới tính.

- Thành phố bảo đảm ngân sách chi cho chương trình mục tiêu dân số - kế hoạch hóa gia đình, trong đó cần tập trung đầu tư cho mục tiêu chất lượng dân số và cơ cấu dân số, cơ sở vật chất, trang thiết bị.

- Xây dựng chính sách khuyến khích các tổ chức, cá nhân thực hiện công tác dân số - kế hoạch hóa gia đình, quan tâm đến đội ngũ cán bộ chuyên trách phường - xã - thị trấn và lực lượng cộng tác viên ở địa bàn dân cư; hàng năm có rà soát điều chỉnh, bổ sung chính sách cho phù hợp.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân các cấp cụ thể hóa Nghị quyết Hội đồng nhân dân thành phố, xây dựng nội dung công tác và chỉ tiêu phấn đấu về dân số - kế hoạch hóa gia đình trong kế hoạch kinh tế - xã hội hàng năm của địa phương.

Nghị quyết này được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2009./.

CHỦ TỊCH

Phạm Phương Thảo

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 10/2009/NQ-HĐND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 09 tháng 7 năm 2009

NGHỊ QUYẾT

**Về thực hiện chế độ phụ cấp đối với cán bộ, viên chức
làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy,
người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH
KHÓA VII KỲ HỌP THỨ 16
(Từ ngày 07 đến ngày 09 tháng 7 năm 2009)**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị quyết số 25/2008/NQ-QH12 ngày 14 tháng 11 năm 2008 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc kéo dài nhiệm kỳ hoạt động 2004 - 2009 của Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các cấp;

Căn cứ Nghị định số 114/2007/NĐ-CP ngày 03 tháng 7 năm 2007 của Chính phủ quy định chế độ phụ cấp đối với cán bộ, viên chức làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy;

Xét Tờ trình số 3072/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về đề nghị xin phê duyệt chế độ phụ cấp đối với cán bộ - viên chức làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy trình tại kỳ họp thứ 16 Hội đồng nhân dân thành phố; Báo cáo thẩm tra số 182/BCTT-VHXH ngày 02 tháng 7 năm 2009 của Ban Văn hóa - Xã hội; ý kiến của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Thông qua nội dung Tờ trình số 3072/TTr-UBND ngày 24 tháng 6 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về đề nghị xin phê duyệt chế độ

phụ cấp đối với cán bộ - viên chức làm việc tại các cơ sở quản lý người nghiện ma túy, người bán dâm và người sau cai nghiện ma túy trình tại kỳ họp thứ 16 Hội đồng nhân dân thành phố. Cụ thể như sau:

1. Phụ cấp thu hút đặc thù có 3 mức:

1.1. Cán bộ - viên chức công tác tại các Trung tâm ở thành phố Hồ Chí Minh: Trung tâm tiếp nhận đối tượng xã hội Bình Triệu, Trung tâm Giáo dục dạy nghề Thanh thiếu niên 2, Trung tâm Giáo dục Đào tạo và Giải quyết việc làm Nhì Xuân được hưởng mức 500.000 đồng/người/tháng.

1.2. Cán bộ - viên chức công tác tại các tỉnh lân cận thành phố như Bình Dương, Đồng Nai được hưởng mức 600.000 đồng/người/tháng.

1.3. Cán bộ - viên chức công tác tại tỉnh Bình Phước, Lâm Đồng, Đắk Nông được hưởng mức 700.000 đồng/người/tháng.

2. Thời gian thực hiện chế độ trợ cấp từ ngày 01 tháng 7 năm 2009.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân thành phố tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân thành phố Hồ Chí Minh khóa VII, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 09 tháng 7 năm 2009./.

CHỦ TỊCH

Phạm Phương Thảo

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 50/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 7 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH**Về việc ban hành Quy định tuyển dụng viên chức
ngành giáo dục và đào tạo thành phố****ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước; Nghị định số 121/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ về việc tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;

Căn cứ Thông tư số 04/2007/TT-BNV ngày 21 tháng 6 năm 2007 của Bộ Nội vụ hướng dẫn thực hiện một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP ngày 10 tháng 10 năm 2003 của Chính phủ và Nghị định số 121/2006/NĐ-CP ngày 23 tháng 10 năm 2006 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 116/2003/NĐ-CP về tuyển dụng, sử dụng và quản lý cán bộ, công chức trong các đơn vị sự nghiệp của Nhà nước;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Tờ trình số 331/GDĐT-TC ngày 04 tháng 3 năm 2009 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 673/TTr-SNV ngày 07 tháng 5 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm theo Quyết định này Quy định về tuyển dụng viên chức ngành giáo dục và đào tạo thành phố.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 10 ngày, kể từ ngày ký.

Bãi bỏ các Quyết định trước đây trái với Quyết định này.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các sở - ngành thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Thu Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

QUY ĐỊNH

Về tuyển dụng viên chức ngành giáo dục và đào tạo thành phố
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 50/2009/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi, đối tượng áp dụng

Quy định này áp dụng cho việc tuyển dụng viên chức ngành giáo dục và đào tạo thành phố, bao gồm:

1. Cơ sở giáo dục mầm non: Nhà trẻ; Trường mẫu giáo; Trường mầm non.
2. Cơ sở giáo dục phổ thông: Trường tiểu học; Trường trung học cơ sở; Trường trung học phổ thông; Trường phổ thông có nhiều cấp học; Trung tâm Kỹ thuật tổng hợp - hướng nghiệp, Trung tâm Giáo dục Thường xuyên.
3. Các trường Cao đẳng, Trung cấp chuyên nghiệp.

Điều 2. Nguyên tắc tuyển dụng

Việc tổ chức tuyển dụng phải đảm bảo dân chủ, công khai, minh bạch, thực hiện chính sách ưu tiên theo quy định.

Mọi công dân có đủ điều kiện và tiêu chuẩn theo quy định đều được tham gia tuyển dụng.

Những người được tuyển dụng phải đúng tiêu chuẩn nghiệp vụ và được bố trí đúng việc.

Chương II

CƠ QUAN TUYỂN DỤNG, HÌNH THỨC TUYỂN DỤNG ĐIỀU KIỆN DỰ TUYỂN VÀ QUY TRÌNH TUYỂN DỤNG

Điều 3. Cơ quan tuyển dụng

- Giao cho Ủy ban nhân dân quận, huyện chịu trách nhiệm tuyển dụng giáo viên mầm non, giáo viên tiểu học và giáo viên trung học cơ sở, các đơn vị sự nghiệp giáo dục trực thuộc quận, huyện.

- Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm tuyển dụng giáo viên trung học phổ thông, giáo viên các đơn vị sự nghiệp trực thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo.

- Các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp trực tiếp tuyển dụng giảng viên, giáo viên của đơn vị.

Điều 4. Hình thức tuyển dụng

Việc tuyển dụng viên chức ngành giáo dục và đào tạo thực hiện bằng hình thức xét tuyển qua hồ sơ.

1. Căn cứ xét tuyển:

Căn cứ vào chỉ tiêu biên chế được giao và nhu cầu vị trí công tác.

2. Nội dung xét tuyển:

- Yêu cầu về điều kiện, tiêu chuẩn nghiệp vụ của ngạch;
- Kết quả học tập trung bình toàn khóa của người dự tuyển;
- Đối tượng ưu tiên theo quy định.

Điều 5. Điều kiện dự tuyển

Người dự tuyển làm viên chức ngành giáo dục và đào tạo thành phố phải có đủ các điều kiện sau:

1. Là công dân Việt Nam, có hộ khẩu thường trú tại thành phố Hồ Chí Minh.

Riêng đối với các huyện có khó khăn về phương tiện đi lại, sau khi tuyển dụng, nếu còn thiếu giáo viên được tuyển dụng giáo viên có hộ khẩu tạm trú, hộ khẩu tỉnh (những vùng giáp ranh).

2. Tuổi đời của người dự tuyển từ đủ 18 tuổi đến dưới 45 tuổi.

3. Có đơn xin dự tuyển, có lý lịch rõ ràng, có đủ sức khỏe để đảm nhận nhiệm vụ.

4. Về trình độ: Đạt trình độ chuẩn theo quy định hiện hành tương ứng với ngạch giáo viên dự tuyển.

5. Không còn trong thời gian bị truy cứu trách nhiệm hình sự, chấp hành án tù, cải tạo không giam giữ, quản chế, đang bị áp dụng biện pháp giáo dục tại phường, xã, thị trấn hoặc đưa vào cơ sở chữa bệnh, cơ sở giáo dục.

Điều 6. Ưu tiên trong tuyển dụng

Chính sách ưu tiên trong tuyển dụng được thực hiện theo quy định tại Điều 6 Quy định về nội dung và hình thức tuyển dụng giáo viên trong các cơ sở giáo dục mầm non, cơ sở giáo dục phổ thông công lập và trung tâm giáo dục thường xuyên ban hành kèm theo Quyết định số 62/2007/QĐ-BGDĐT ngày 26 tháng 10 năm 2007 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo. Cụ thể:

1. Người dân tộc thiểu số, người tình nguyện ở vùng sâu, vùng xa, biên giới, hải đảo; anh hùng lực lượng vũ trang; anh hùng lao động, thương binh, bệnh binh, người hưởng chính sách như thương binh; con liệt sĩ, con thương binh, con bệnh binh; con của người hoạt động cách mạng trước tổng khởi nghĩa (từ ngày 19 tháng 8 năm 1945 trở về trước); con của người hoạt động kháng chiến bị nhiễm chất độc hóa học; con anh hùng lực lượng vũ trang, con anh hùng lao động được cộng 30 điểm vào kết quả tuyển dụng.

2. Những người có học vị tiến sĩ đúng chuyên ngành đào tạo, phù hợp với nhu cầu tuyển dụng được cộng thêm 20 điểm vào kết quả tuyển dụng.

3. Những người có học vị thạc sĩ đúng chuyên ngành đào tạo, phù hợp với nhu cầu tuyển dụng; những người tốt nghiệp loại giỏi và xuất sắc ở các bậc đào tạo chuyên môn phù hợp với nhu cầu tuyển dụng; người đã hoàn thành nghĩa vụ quân sự; đội viên thanh niên xung phong, đội viên trí thức trẻ tình nguyện phục vụ nông thôn, miền núi từ hai năm trở lên đã hoàn thành nhiệm vụ; cán bộ, công chức cấp xã có thời gian làm việc liên tục tại cơ quan, tổ chức cấp xã từ 3 năm trở lên được cộng thêm 10 điểm vào kết quả tuyển dụng.

4. Người dự thi thuộc nhiều diện ưu tiên thì chỉ được cộng điểm ở 1 diện ưu tiên cao nhất.

Điều 7. Quy trình tuyển dụng

1. Thành lập Hội đồng xét tuyển:

Ủy ban nhân dân quận, huyện và Sở Giáo dục và Đào tạo thành lập Hội đồng xét tuyển. Thành phần Hội đồng gồm:

- Đối với quận, huyện: Giao cho Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo làm Chủ tịch Hội đồng, các Ủy viên là đại diện lãnh đạo các phòng chuyên môn, các Hiệu trưởng các trường trung học cơ sở, tiểu học, mầm non trực thuộc quận, huyện có thí sinh tham gia dự tuyển và 01 Ủy viên kiêm thư ký.

- Đối với Sở Giáo dục và Đào tạo: Giám đốc hoặc Phó Giám đốc Sở làm Chủ tịch Hội đồng, các Ủy viên là đại diện lãnh đạo các phòng chuyên môn thuộc Sở và 01 Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng (là lãnh đạo Phòng Tổ chức Cán bộ của Sở).

- Đối với các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp: Hiệu trưởng hoặc Phó Hiệu trưởng làm Chủ tịch Hội đồng, các Ủy viên là đại diện lãnh đạo các khoa, phòng chuyên môn và 01 Ủy viên kiêm thư ký Hội đồng (là lãnh đạo Phòng Tổ chức của trường).

2. Thông báo tuyển dụng:

- Đối với việc tuyển dụng giáo viên mầm non, trung học các cấp, trên cơ sở chỉ tiêu của quận, huyện, Sở Giáo dục và Đào tạo thông nhất ra thông báo tuyển dụng giáo viên trong toàn thành phố với nội dung theo quy định.

Trường hợp trong năm học, các quận, huyện có nhu cầu bổ sung, Hội đồng tuyển dụng quận, huyện sẽ ra thông báo tuyển dụng riêng.

- Đối với các trường cao đẳng, trung cấp chuyên nghiệp: do Hội đồng tuyển dụng của trường thông báo.

3. Hội đồng xét tuyển của quận, huyện và Sở Giáo dục và Đào tạo thực hiện các bước:

- Tiếp nhận và nhập dữ liệu hồ sơ xin xét tuyển.

- Tổng hợp danh sách, sắp xếp theo thứ tự từ người có kết quả học tập toàn khóa cao nhất đến người có kết quả học tập toàn khóa thấp nhất theo từng ngành học, bậc học.

- Xác định người trúng tuyển: Người trúng tuyển là người đạt yêu cầu, tiêu chuẩn nghiệp vụ của ngạch dự tuyển và có kết quả học tập trung bình toàn khóa (được quy đổi theo thang điểm 100) nhân hệ số 2, sau đó được cộng với điểm ưu tiên theo quy định tại Điều 6 Quy định này.

- Lập danh sách thí sinh có kết quả học tập toàn khóa cao nhất đến hết chỉ tiêu tuyển dụng trình Hội đồng.

- Trình Hội đồng thông qua kết quả xét tuyển.

- Báo cáo kết quả xét tuyển với Ủy ban nhân dân thành phố thông qua Sở Nội vụ.

4. Sở Nội vụ:

- Thẩm định kết quả xét tuyển.

- Tổng hợp danh sách trúng tuyển và báo cáo kết quả với Ủy ban nhân dân thành phố.

- Dự thảo quyết định công nhận kết quả xét tuyển trình Ủy ban nhân dân thành phố ký ban hành.

5. Thẩm quyền quyết định tuyển dụng viên chức:

Căn cứ quyết định công nhận kết quả xét tuyển của Ủy ban nhân dân thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo ban hành quyết định tuyển dụng viên chức.

6. Bổ nhiệm ngạch:

- Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo quyết định bổ nhiệm ngạch đối với giáo viên thuộc nhóm viên chức loại A.

- Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện quyết định bổ nhiệm ngạch đối với giáo viên thuộc nhóm viên chức loại B.

7. Riêng đối với các trường cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp:

- Sở Nội vụ chịu trách nhiệm thẩm định kết quả xét tuyển và trình Ủy ban nhân dân thành phố quyết định công nhận kết quả.

- Căn cứ quyết định công nhận kết quả xét tuyển của Ủy ban nhân dân thành phố, Hiệu trưởng ban hành quyết định tuyển dụng, bổ nhiệm ngạch cho viên chức.

Chương III

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 8. Trách nhiệm hướng dẫn

1. Sở Nội vụ phối hợp với Sở Giáo dục và Đào tạo, Ủy ban nhân dân quận, huyện và các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp trực thuộc chịu trách nhiệm triển khai tổ chức thực hiện việc tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo năm 2009 theo Quy định này.

2. Sở Nội vụ chịu trách nhiệm hướng dẫn thực hiện quy trình xét tuyển viên chức; giúp Ủy ban nhân dân thành phố kiểm tra, giám sát và thanh tra công tác tuyển dụng.

3. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm hướng dẫn về nghiệp vụ tiếp nhận và nhập dữ liệu; lập thang bảng điểm; xác định người trúng tuyển; lập danh sách tổng

hợp cho Ủy ban nhân dân các quận - huyện, các trường cao đẳng, trung học chuyên nghiệp trực thuộc.

4. Ủy ban nhân dân quận, huyện chỉ đạo Phòng Nội vụ và Phòng Giáo dục và Đào tạo tổ chức thực hiện công tác tuyển dụng viên chức ngành Giáo dục và Đào tạo tại các đơn vị thuộc phạm vi quản lý.

Điều 9. Xử lý vi phạm

Cơ quan, đơn vị và cá nhân vi phạm Quy định này thì tùy theo mức độ và tính chất vi phạm sẽ bị xử lý theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Tổ chức thực hiện

1. Cơ quan, đơn vị thực hiện tuyển dụng chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện theo Quy định này.

2. Trong quá trình tuyển dụng, Sở Nội vụ thực hiện giám sát theo thẩm quyền.

3. Trong quá trình thực hiện Quy định này, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Sở Nội vụ để tổng hợp, sửa đổi, bổ sung./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**

Nguyễn Thị Thu Hà

**ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 51/2009/QĐ-UBND

TP. Hồ Chí Minh, ngày 07 tháng 7 năm 2009

QUYẾT ĐỊNH

Về ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố

ỦY BAN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 13/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương;

Căn cứ Thông tư số 35/2008/TTLT-BGDĐT-BNV ngày 14 tháng 7 năm 2008 của Bộ Giáo dục và Đào tạo - Bộ Nội vụ hướng dẫn về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo tại Công văn số 1305/GDĐT-TC ngày 23 tháng 6 năm 2009 và của Giám đốc Sở Nội vụ tại Tờ trình số 943/TTr-SNV ngày 06 tháng 7 năm 2009,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực thi hành sau 10 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 64/2007/QĐ-UBND ngày 24 tháng 4 năm 2007 của Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân thành phố, Giám đốc Sở Nội vụ,

Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo, Thủ trưởng các Sở - ngành thành phố và Chủ tịch Ủy ban nhân dân các quận - huyện chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Lê Hoàng Quân

ỦY BAN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Sở Giáo dục và Đào tạo thành phố Hồ Chí Minh

*(Ban hành kèm theo Quyết định số 51/2009/QĐ-UBND
ngày 07 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố)*

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Sở Giáo dục và Đào tạo là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân thành phố, tham mưu và giúp Ủy ban nhân dân thành phố thực hiện chức năng quản lý nhà nước về lĩnh vực giáo dục và đào tạo (trừ đào tạo nghề) trên địa bàn thành phố, về các dịch vụ công thuộc phạm vi quản lý của Sở Giáo dục và Đào tạo theo quy định của pháp luật và phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

Sở Giáo dục và Đào tạo có tư cách pháp nhân, có con dấu riêng, được cấp kinh phí hoạt động thường xuyên từ ngân sách và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước để hoạt động theo quy định.

Trụ sở làm việc của Sở Giáo dục và Đào tạo đặt tại số 68, đường Lê Thánh Tôn, quận 1, thành phố Hồ Chí Minh.

Điều 2. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và công tác của Ủy ban nhân dân thành phố; đồng thời chịu sự chỉ đạo hướng dẫn, kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm báo cáo các công tác của Sở đối với Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Giáo dục và Đào tạo theo định kỳ hoặc khi được yêu cầu.

Chương II

NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 3. Nhiệm vụ, quyền hạn của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Trình Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Tham mưu, dự thảo quyết định, chỉ thị và các văn bản khác thuộc thẩm quyền ban hành của Ủy ban nhân dân thành phố về lĩnh vực giáo dục và đào tạo;

b) Tham mưu, dự thảo quy hoạch, kế hoạch 5 năm và hàng năm, chương trình, dự án về lĩnh vực giáo dục và đào tạo, biện pháp tổ chức thực hiện nhiệm vụ cải cách hành chính nhà nước về ngành, lĩnh vực giáo dục thuộc phạm vi quản lý nhà nước được giao;

c) Tham mưu, dự thảo mức thu học phí cụ thể đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý của địa phương để Ủy ban nhân dân thành phố trình Hội đồng nhân dân thành phố quyết định theo quy định của pháp luật;

d) Tham mưu, dự thảo các quy định về tiêu chuẩn chức danh đối với Trưởng, Phó các đơn vị thuộc Sở Giáo dục và Đào tạo, Trưởng phòng, Phó Trưởng Phòng Giáo dục và Đào tạo thuộc Ủy ban nhân dân quận, huyện.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố:

a) Tham mưu, dự thảo các quyết định thành lập, sáp nhập, chia tách, đình chỉ hoạt động, giải thể các cơ sở giáo dục công lập thuộc Sở; cho phép thành lập, đình chỉ hoạt động, giải thể các cơ sở giáo dục ngoài công lập thuộc phạm vi quản lý của Sở theo quy định của pháp luật;

b) Tham mưu, dự thảo quy định mối quan hệ công tác giữa Sở Giáo dục và Đào tạo với các Sở có liên quan và Ủy ban nhân dân quận, huyện;

c) Tham mưu, dự thảo quyết định công nhận trường mầm non, trường phổ thông đạt chuẩn quốc gia theo quy định về trường chuẩn quốc gia do Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành;

d) Tham mưu dự thảo các quyết định, chỉ thị cá biệt thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố;

đ) Tiếp nhận hồ sơ, thẩm định các điều kiện thành lập trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, chủ trì phối hợp với Sở Nội vụ và các sở, ngành liên quan thẩm định điều kiện thành lập trường trung cấp chuyên nghiệp, trường cao đẳng, trường đại học trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định hoặc có ý kiến đề xuất Bộ Giáo dục và Đào tạo, Thủ tướng Chính phủ quyết định thành lập trường theo thẩm quyền;

e) Cho phép chuyển đổi địa điểm hoạt động, mở chi nhánh các trường, trung

tâm, viện, hội, cơ sở giáo dục trên địa bàn thành phố và báo cáo với Ủy ban nhân dân thành phố về sự thay đổi đó;

g) Tiếp nhận và thẩm định hồ sơ thành lập, gia hạn thời gian hoạt động, chuyển đổi địa điểm của văn phòng đại diện, các viện, hội đoàn thể liên quan đến lĩnh vực giáo dục, đào tạo trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, quyết định.

3. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, chính sách, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình và các nội dung khác về giáo dục và đào tạo sau khi được phê duyệt; tổ chức thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về giáo dục và đào tạo thuộc phạm vi quản lý của Sở.

4. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện về chuyên môn, nghiệp vụ đối với Phòng Giáo dục và Đào tạo, các trường, các cơ sở giáo dục và đào tạo trực thuộc các Sở - ngành khác hoặc các cơ sở giáo dục thuộc Trung ương đóng trên địa bàn thành phố.

5. Quản lý công tác tuyển sinh, thi cử, xét duyệt, cấp văn bằng, chứng chỉ theo quy định của Bộ Giáo dục và Đào tạo; hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra công tác quản lý chất lượng giáo dục và đào tạo đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo của địa phương.

6. Quản lý Trung tâm Giáo dục thường xuyên cấp thành phố và quận, huyện. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện công tác phổ cập giáo dục trên địa bàn theo hướng dẫn của Bộ Giáo dục và Đào tạo và quy định của pháp luật.

7. Xây dựng kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục các ngành học, cấp học trong phạm vi quản lý của thành phố; hướng dẫn và tổ chức thực hiện kế hoạch đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ nhà giáo và cán bộ quản lý giáo dục sau khi được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

8. Tổ chức ứng dụng các kinh nghiệm, thành tựu khoa học - công nghệ tiên tiến trong giáo dục; tổng kết kinh nghiệm, sáng kiến của địa phương; quản lý công tác nghiên cứu khoa học - công nghệ trong các cơ sở giáo dục trực thuộc Sở; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ được giao.

9. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra và tổ chức thực hiện công tác thi đua, khen thưởng đối với các cơ sở giáo dục và đào tạo trên địa bàn; xây dựng và nhân điển hình tiên tiến về giáo dục và đào tạo trên địa bàn thành phố.

10. Hướng dẫn, tổ chức thực hiện các cơ chế, chính sách về xã hội hóa giáo dục; huy động, quản lý, sử dụng các nguồn lực để phát triển sự nghiệp giáo dục trên địa bàn thành phố.

11. Giúp Ủy ban nhân dân thành phố quản lý nhà nước đối với các doanh nghiệp, tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân có các hoạt động liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo ở địa phương, hướng dẫn và kiểm tra hoạt động của các hội, tổ chức phi chính phủ trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo ở địa phương theo quy định của pháp luật.

12. Chủ trì, phối hợp với các cơ quan có liên quan trong việc thẩm định các điều kiện, tiêu chuẩn để trình cấp có thẩm quyền cấp, thu hồi giấy phép thành lập và hoạt động đối với các cơ sở giáo dục có sự tham gia đầu tư của tổ chức, cá nhân nước ngoài, hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra hoạt động của các cơ sở giáo dục này theo quy định của pháp luật.

13. Cấp và thu hồi đăng ký hoạt động của các tổ chức dịch vụ đưa người đi du học tự túc ở nước ngoài ở các trình độ phổ thông, trung cấp, cao đẳng, đại học thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở; kiểm tra hoạt động của các tổ chức này theo quy định của pháp luật; thống kê, tổng hợp người đi nghiên cứu, học tập ở nước ngoài thuộc phạm vi quản lý nhà nước của Sở trên địa bàn thành phố, báo cáo cơ quan có thẩm quyền theo quy định.

14. Thực hiện các nhiệm vụ hợp tác quốc tế về lĩnh vực giáo dục và đào tạo theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố và quy định của pháp luật.

15. Hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra việc thực hiện cơ chế tự chủ, tự chịu trách nhiệm về nhiệm vụ, tổ chức, biên chế, tài chính của các đơn vị sự nghiệp giáo dục và đào tạo trực thuộc Sở theo phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố và quy định của pháp luật.

16. Xây dựng, tổng hợp kế hoạch biên chế sự nghiệp giáo dục và đào tạo của địa phương hàng năm; phân bổ chỉ tiêu biên chế sự nghiệp giáo dục công lập đối với các đơn vị trực thuộc Sở sau khi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt; hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra và tổ chức thực hiện việc tuyển dụng viên chức sự nghiệp giáo dục hàng năm trên địa bàn theo quy định của pháp luật và phân cấp quản lý của Ủy ban nhân dân thành phố.

17. Chủ trì, phối hợp với Sở Tài chính, Sở Kế hoạch và Đầu tư lập dự toán ngân sách giáo dục hàng năm, bao gồm: ngân sách chi thường xuyên, chi đầu tư xây dựng cơ bản, chi mua sắm thiết bị trường học, đồ chơi trẻ em, chương trình mục tiêu quốc gia trình cấp có thẩm quyền phê duyệt; phân bổ giao dự toán chi ngân sách được giao cho giáo dục; hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện.

18. Kiểm tra, thanh tra và xử lý vi phạm theo thẩm quyền về việc thực hiện chính sách, pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, chương trình, đề án và các quy định của cấp có thẩm quyền trong lĩnh vực giáo dục và đào tạo; giải quyết khiếu nại, tố cáo và kiến nghị của công dân liên quan đến lĩnh vực giáo dục thuộc thẩm quyền quản lý của Sở; thực hành tiết kiệm, phòng, chống tham nhũng, lãng phí theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố và quy định của pháp luật.

19. Quy định chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của Văn phòng, Thanh tra, Kế hoạch - Tài chính, Tổ chức cán bộ, các phòng chuyên môn, nghiệp vụ và các đơn vị sự nghiệp thuộc Sở; quản lý biên chế cán bộ, công chức, viên chức của cơ quan Sở Giáo dục và Đào tạo và các đơn vị trực thuộc Sở; quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cho từ chức, cách chức đối với người đứng đầu và cấp phó của người đứng đầu đối với các đơn vị trực thuộc Sở (trường trung học phổ thông, trường phổ thông có nhiều cấp học, trường trung cấp chuyên nghiệp, trường cao đẳng, Trung tâm Giáo dục thường xuyên...); công nhận và không công nhận hoặc thay đổi thành viên Hội đồng quản trị, Hiệu trưởng đối với cơ sở giáo dục tư thục theo quy định của pháp luật; thực hiện việc tuyển dụng, hợp đồng lao động, điều động, luân chuyển và các chế độ, chính sách đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật đối với cán bộ, công chức, viên chức thuộc Sở theo quy định của pháp luật.

20. Trong trường hợp cần thiết phục vụ cho sự nghiệp phát triển giáo dục và đào tạo ở địa phương, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo được quyết định điều động cán bộ, giáo viên của ngành sau khi được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

21. Quản lý tài chính, tài sản, cơ sở vật chất được giao và tổ chức thực hiện ngân sách được phân bổ theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố và quy định của pháp luật.

22. Báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao với Ủy ban nhân dân thành phố và Bộ Giáo dục và Đào tạo.

23. Thực hiện những nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân thành phố giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương III

TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC

Điều 4. Tổ chức bộ máy của Sở Giáo dục và Đào tạo

1. Lãnh đạo Sở: Giám đốc và các Phó Giám đốc. Số lượng Phó Giám đốc do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định tùy theo tình hình thực tế.

Giám đốc Sở chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Sở.

Việc bổ nhiệm Giám đốc và các Phó Giám đốc do Ủy ban nhân dân thành phố quyết định theo tiêu chuẩn chuyên môn, nghiệp vụ do Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định và theo các quy định của Nhà nước về quản lý cán bộ.

2. Cơ cấu tổ chức của Sở Giáo dục và Đào tạo gồm:

a) Các phòng ban:

- Văn phòng Sở;
- Thanh tra Sở;
- Phòng Kế hoạch Tài chính;
- Phòng Tổ chức cán bộ;
- Phòng Giáo dục Mầm non;
- Phòng Giáo dục Tiểu học;
- Phòng Giáo dục Trung học;
- Phòng Giáo dục chuyên nghiệp - Đào tạo bồi dưỡng giáo viên;
- Phòng Giáo dục Thường xuyên;
- Phòng Khảo thí và Kiểm định chất lượng giáo dục;
- Phòng Pháp chế.

b) Các đơn vị sự nghiệp, doanh nghiệp trực thuộc (danh sách đính kèm).

Biên chế của Sở Giáo dục và Đào tạo do Ủy ban nhân dân thành phố giao trong tổng chỉ tiêu biên chế hành chính, sự nghiệp của thành phố.

Điều 5. Chế độ làm việc

1. Sở Giáo dục và Đào tạo làm việc theo chế độ thủ trưởng, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo là người quyết định, chỉ đạo, điều hành toàn bộ các mặt hoạt động của Sở; sắp xếp tổ chức, bộ máy các phòng, ban chuyên môn của Sở Giáo dục và Đào tạo sau khi có sự thỏa thuận của Giám đốc Sở Nội vụ.

2. Giúp Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo theo dõi từng lĩnh vực công tác có các Phó Giám đốc Sở do Giám đốc phân công và chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở, Ủy ban nhân dân thành phố và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công.

Chương IV

CÁC MỐI QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Đối với Bộ Giáo dục và Đào tạo

1. Sở Giáo dục và Đào tạo chịu trách nhiệm thực hiện đầy đủ sự chỉ đạo, lãnh đạo của Bộ và sự hướng dẫn về nghiệp vụ, chuyên môn của các cơ quan chuyên môn của Bộ, đảm bảo sự thống nhất của ngành trong cả nước và sự phân cấp quản lý của Trung ương. Sở có trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động và kế hoạch định kỳ hoặc đột xuất theo quy định của Bộ. Tham gia đầy đủ các cuộc hội nghị do Bộ Giáo dục và Đào tạo triệu tập.

2. Trước khi thực hiện các chủ trương lớn của Bộ, Giám đốc Sở phải báo cáo xin ý kiến chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố để triển khai thực hiện. Các chủ trương lớn của Ủy ban nhân dân thành phố có liên quan đến nghiệp vụ quản lý ngành, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo phải báo cáo lên Bộ để Bộ có hướng dẫn chỉ đạo về mặt chuyên môn, nghiệp vụ.

3. Trường hợp các Bộ chưa nhất trí với chủ trương của Ủy ban nhân dân thành phố hoặc những chủ trương quyết định của Bộ, Sở xét thấy không phù hợp với tình hình thực tiễn của thành phố, Giám đốc Sở kịp thời báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố và kèm theo đề xuất, kiến nghị cụ thể để Ủy ban nhân dân thành phố làm việc với Bộ trưởng hoặc kiến nghị Thủ tướng Chính phủ xem xét, quyết định.

Điều 7. Đối với Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân thành phố

1. Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm báo cáo và cung cấp những tài liệu có liên quan đến ngành giáo dục, đào tạo của thành phố cho Hội đồng nhân dân thành phố, trả lời chất vấn, kiến nghị của đại biểu Hội đồng nhân dân thành phố những vấn đề liên quan đến ngành giáo dục và đào tạo.

2. Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo báo cáo Ủy ban nhân dân thành phố về tình hình và kết quả hoạt động của ngành giáo dục và đào tạo; tham gia đầy đủ các cuộc họp do Ủy ban nhân dân thành phố triệu tập, tổ chức và kiểm tra việc thực hiện các quyết định, chỉ đạo của Ủy ban nhân dân thành phố đối với các lĩnh vực được phân công.

3. Giám đốc Sở đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố bổ sung và sửa đổi những điểm không phù hợp với tình hình thực tế trong các văn bản quy phạm pháp luật có liên quan đến lĩnh vực giáo dục và đào tạo.

4. Đối với những vấn đề vượt quá thẩm quyền của Giám đốc Sở và những vấn đề đang được bàn bạc giữa Giám đốc các Sở - ngành hoặc giữa Giám đốc Sở với Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận, huyện nhưng chưa nhất trí thì tùy theo tính chất và phạm vi vấn đề, Giám đốc Sở báo cáo ngay Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố để xem xét, quyết định, không chuyển các vấn đề thuộc thẩm quyền của Sở lên Ủy ban nhân dân thành phố.

Điều 8. Đối với Sở - ngành thành phố

1. Mọi quan hệ giữa các Sở - ngành là quan hệ phối hợp và tạo điều kiện cho nhau cùng thực hiện tốt các nhiệm vụ quản lý nhà nước theo ngành, lĩnh vực công tác và đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được Ủy ban nhân dân thành phố giao.

2. Khi giải quyết vấn đề thuộc thẩm quyền của Sở có liên quan đến Sở - ngành khác, Sở chủ động bàn bạc, lấy ý kiến Thủ trưởng các Sở - ngành đó trước khi báo cáo, trình Ủy ban nhân dân thành phố. Nếu Sở - ngành được hỏi ý kiến sau 15 ngày (theo chế độ làm việc) không trả lời thì coi như đã đồng ý với đề nghị của Sở Giáo dục và Đào tạo.

Điều 9. Đối với Ủy ban nhân dân các quận - huyện

Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc các quận, huyện thực hiện các nội dung quản lý nhà nước về ngành, lĩnh vực do Sở phụ trách, theo nội dung được phân cấp quản lý, tạo điều kiện để các quận, huyện làm tốt trách nhiệm, nhiệm vụ của mình trong việc quản lý ngành, lĩnh vực công tác trên địa bàn địa phương.

Điều 10. Đối với các tổ chức Đảng, đoàn thể

1. Đối với các Ban của Thành ủy, Sở có mối quan hệ trực tiếp, thường xuyên báo cáo để thông qua đó tiếp nhận những chủ trương, định hướng và chỉ đạo của Thành ủy, ý kiến của các Ban về những vấn đề có liên quan đến nội dung hoạt động của Sở.

2. Phối hợp với các tổ chức đoàn thể trong quá trình thực hiện nhiệm vụ của Sở, tạo điều kiện cho các đoàn thể và Hội tham gia ý kiến với Sở trong việc xây dựng chủ trương, chế độ chính sách có liên quan đến ngành.

3. Đối với những vấn đề lớn, có liên quan đến đoàn thể quần chúng nào thì Giám đốc Sở phải mời tham gia hoặc hỏi ý kiến (bằng văn bản) lãnh đạo của đoàn thể quần chúng đó trước khi trình Ủy ban nhân dân thành phố.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 11. Căn cứ nội dung Quy chế này, Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo có trách nhiệm ban hành quy chế làm việc, quy định chức năng, nhiệm vụ của các phòng, ban, đơn vị trực thuộc phù hợp với Quy chế tổ chức và hoạt động của Sở đã được phê duyệt.

Điều 12. Trong quá trình thực hiện, nếu xét thấy cần thiết, Giám đốc Sở Sở Giáo dục và Đào tạo phối hợp với Giám đốc Sở Nội vụ đề xuất, kiến nghị Ủy ban nhân dân thành phố xem xét, điều chỉnh, sửa đổi, bổ sung Quy chế cho phù hợp theo yêu cầu, nhiệm vụ./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Lê Hoàng Quân

PHỤ LỤC
CÁC ĐƠN VỊ TRỰC THUỘC SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO

Khối Trung học phổ thông:

1. Trường THPT Chuyên Trần Đại Nghĩa.
2. Trường THPT Bùi Thị Xuân.
3. Trường THPT Trưng Vương.
4. Trường THPT TenLôMan.
5. Trường THPT Giồng Ông Tố.
6. Trường THPT Thủ Thiêm.
7. Trường THPT Lê Quý Đôn.
8. Trường THPT Nguyễn Thị Minh Khai.
9. Trường THPT Marie Curie
10. Trường THPT Nguyễn Trãi.
11. Trường THPT Nguyễn Hữu Thọ.
12. Trường THPT Hùng Vương.
13. Trường THPT Chuyên Lê Hồng Phong.
14. Trường THPT Trần Khai Nguyên.
15. Trường THPT Mạc Đĩnh Chi.
16. Trường THPT Bình Phú.
17. Trường THPT Lê Thánh Tôn.
18. Trường THPT Ngô Quyền.
19. Trường THPT Tân Phong.
20. Trường THPT Nam Sài Gòn.
21. Trường THPT Quốc tế Việt - Úc
22. Trường THPT Lương Văn Can.
23. Trường THPT Ngô Gia Tự.
24. Trường THPT Tạ Quang Bửu.

25. Trường THPT Chuyên năng khiếu thể dục thể thao Nguyễn Thị Định.
26. Trường THPT Nguyễn Huệ.
27. Trường THPT Phước Long.
28. Trường THPT Long Trường.
29. Trường THPT Nguyễn Du.
30. Trường THPT Nguyễn Khuyến.
31. Trường THPT Nguyễn An Ninh.
32. Trường THPT Nguyễn Hiền.
33. Trường THPT Trần Quang Khải.
34. Trường THPT Nam Kỳ Khởi Nghĩa.
35. Trường THPT Thạnh Lộc.
36. Trường THPT Võ Trường Toản.
37. Trường THPT Trường Chinh.
38. Trường THPT Nguyễn Thượng Hiền.
39. Trường THPT Nguyễn Chí Thanh.
40. Trường THPT Nguyễn Thái Bình.
41. Trường THPT Trần Phú.
42. Trường THPT Tân Bình.
43. Trường THPT Tây Thạnh
44. Trường THPT Thanh Đa.
45. Trường THPT Gia Định.
46. Trường THPT Võ Thị Sáu.
47. Trường THPT Phan Đăng Lưu.
48. Trường THPT Hoàng Hoa Thám.
49. Trường THPT Phú Nhuận.
50. Trường THPT Hàn Thuyên.
51. Trường THPT Gò Vấp.

52. Trường THPT Nguyễn Công Trứ.
53. Trường THPT Trần Hưng Đạo.
54. Trường THPT Nguyễn Trung Trực.
55. Trường THPT An Nhơn Tây.
56. Trường THPT Củ Chi.
57. Trường THPT Trung Phú.
58. Trường THPT Quang Trung.
59. Trường THPT Trung Lập.
60. Trường THPT Phú Hòa.
61. Trường Thiếu Sinh Quân.
62. Trường THPT Tân Thông Hội.
63. Trường THPT Lý Thường Kiệt.
64. Trường THPT Nguyễn Hữu Cầu.
65. Trường THPT Bà Điểm.
66. Trường THPT Nguyễn Văn Cừ.
67. Trường THPT Nguyễn Hữu Tiến.
68. Trường THPT Nguyễn Hữu Huân.
69. Trường THPT Thủ Đức.
70. Trường THPT Tam Phú.
71. Trường THPT Hiệp Bình.
72. Trường THPT An Lạc.
73. Trường THPT Vĩnh Lộc
74. Trường THPT Đa Phước.
75. Trường THPT Bình Chánh.
76. Trường THPT Lê Minh Xuân.
77. Trường THPT Bình Khánh.
78. Trường THPT Cần Thạnh.

Khối trực thuộc:

79. Trường Cao đẳng Kinh tế.
80. Trường Cao đẳng Kỹ thuật Lý Tự Trọng.
81. Trường Cao đẳng Kinh tế và Kỹ thuật Phú Lâm.
82. Trường Cao đẳng Công nghệ Thủ Đức.
83. Trung học Kỹ thuật và Nghiệp vụ Nguyễn Hữu Cảnh.
84. Trung học Kỹ thuật và Nghiệp vụ Nam Sài Gòn.
85. Trường Phổ thông đặc biệt Nguyễn Đình Chiểu.
86. Trường Mầm non thành phố.
87. Trường Mầm non 19/5 thành phố.
88. Trung tâm Giáo dục kỹ thuật tổng hợp và hướng nghiệp Lê Thị Hồng Gấm.
89. Trung tâm Hỗ trợ phát triển giáo dục hòa nhập cho người khuyết tật.
90. Trung tâm Giáo dục thường xuyên Lê Quý Đôn.
91. Trung tâm Giáo dục thường xuyên Chu Văn An.
92. Trung tâm Giáo dục thường xuyên Tiếng Hoa.
93. Trung tâm Thông tin và Chương trình Giáo dục.
94. Trung tâm Ngoại ngữ - Tin học thành phố Hồ Chí Minh.
95. Trường Mầm non BC Nam Sài Gòn.
96. Báo Giáo dục thành phố Hồ Chí Minh.

ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12**ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 07/2009/QĐ-UBND

*Quận 12, ngày 09 tháng 7 năm 2009***QUYẾT ĐỊNH****Về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội****ỦY BAN NHÂN DÂN QUẬN 12**

Căn cứ Luật Tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân ngày 26 tháng 11 năm 2003;

Căn cứ Nghị định số 14/2008/NĐ-CP ngày 04 tháng 02 năm 2008 của Chính phủ quy định tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Thông tư liên tịch số 10/2008/TTLT-BLĐTBXH-BNV ngày 10 tháng 7 năm 2008 của Bộ Lao động - Thương binh và Xã hội và Bộ Nội vụ hướng dẫn chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, cấp huyện và nhiệm vụ quản lý nhà nước của Ủy ban nhân dân cấp xã về lao động, người có công và xã hội;

Căn cứ Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về tổ chức các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện; Quyết định số 14/2009/QĐ-UBND ngày 03 tháng 02 năm 2009 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh ban hành Quy chế (mẫu) về tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội quận - huyện;

Căn cứ Hướng dẫn số 441/HD-SNV ngày 27 tháng 5 năm 2008 của Sở Nội vụ về thực hiện Quyết định số 41/2008/QĐ-UBND ngày 20 tháng 5 năm 2008 của Ủy ban nhân dân thành phố Hồ Chí Minh về sắp xếp các cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận - huyện;

Căn cứ Quyết định số 83/QĐ-UBND ngày 02 tháng 7 năm 2008 của Ủy ban

nhân dân quận về việc thành lập Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội thuộc Ủy ban nhân dân quận;

Xét đề nghị của Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tại Công văn số 227/LĐT BXH ngày 24 tháng 4 năm 2009 và đề nghị của Trưởng Phòng Nội vụ,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Nay ban hành kèm Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực sau 07 ngày, kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số 116/2003/QĐ-UB ngày 23 tháng 6 năm 2003 của Ủy ban nhân dân quận về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

Điều 3. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân quận, Trưởng Phòng Nội vụ, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng đơn vị có liên quan và Chủ tịch Ủy ban nhân dân 11 phường chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Đặng Văn Đức

ỦY BAN NHÂN DÂN
QUẬN 12

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội
*(Ban hành kèm theo Quyết định số 07/2009/QĐ-UBND
ngày 09 tháng 7 năm 2009 của Ủy ban nhân dân quận 12)*

Chương I **VỊ TRÍ VÀ CHỨC NĂNG**

Điều 1. Vị trí và chức năng

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội là cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân quận; tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện chức năng quản lý nhà nước về các lĩnh vực: việc làm; dạy nghề; lao động; tiền lương; tiền công; bảo hiểm xã hội (bảo hiểm xã hội bắt buộc, bảo hiểm xã hội tự nguyện, bảo hiểm thất nghiệp); an toàn lao động; người có công; bảo trợ xã hội; bảo vệ và chăm sóc trẻ em; bình đẳng giới; phòng, chống tệ nạn xã hội (gọi chung là lĩnh vực lao động, người có công và xã hội); thực hiện một số nhiệm vụ, quyền hạn theo sự ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận và theo quy định của pháp luật.

2. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có tư cách pháp nhân, có con dấu và tài khoản riêng; chịu sự chỉ đạo, quản lý về tổ chức, biên chế và hoạt động của Ủy ban nhân dân quận; đồng thời chịu sự hướng dẫn, kiểm tra, thanh tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

Chương II **NHIỆM VỤ VÀ QUYỀN HẠN**

Điều 2. Nhiệm vụ và quyền hạn

1. Trình Ủy ban nhân dân quận ban hành các quyết định, chỉ thị, kế hoạch dài hạn, 05 năm và hàng năm; đề án, chương trình trong lĩnh vực lao động, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người có công với nước và xã hội; cải cách hành chính, xã hội hóa thuộc lĩnh vực quản lý nhà nước được giao.

2. Trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận các dự thảo văn bản về lĩnh vực lao

động, người có công và xã hội thuộc thẩm quyền ban hành của Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận; tổ chức thực hiện các văn bản quy phạm pháp luật, quy hoạch, kế hoạch, đề án, chương trình về lĩnh vực lao động, bảo vệ và chăm sóc trẻ em, người có công với nước và xã hội trên địa bàn quận sau khi đã được phê duyệt; phối hợp các ban, ngành, đoàn thể của quận tổ chức triển khai, hướng dẫn, thông tin, tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về các hoạt động liên quan đến lĩnh vực được giao.

3. Giúp Ủy ban nhân dân quận trong công tác quản lý nhà nước về lao động, việc làm đối với các tổ chức kinh tế tập thể, kinh tế tư nhân; hướng dẫn và kiểm tra các hoạt động xã hội của các hội và tổ chức phi Chính phủ hoạt động trên địa bàn thuộc lĩnh vực lao động, người có công với nước và xã hội theo quy định của pháp luật.

4. Hướng dẫn, kiểm tra việc thực hiện các quy định của pháp luật đối với các cơ sở bảo trợ xã hội, dạy nghề, giới thiệu việc làm, cơ sở xã hội, cơ sở trợ giúp trẻ em trên địa bàn quận theo phân cấp, ủy quyền.

5. Giúp Ủy ban nhân dân quận tổ chức thực hiện thủ tục đăng ký dạy nghề; tổ chức quản lý, kiểm tra việc thực hiện các quy định về hoạt động dạy nghề của các cá nhân, tổ chức theo phân cấp của Ủy ban nhân dân thành phố.

6. Hướng dẫn và tổ chức thực hiện quản lý nghĩa trang liệt sĩ, đài tưởng niệm, các công trình ghi công liệt sĩ, quỹ đền ơn đáp nghĩa.

7. Hướng dẫn chuyên môn, nghiệp vụ đối với Ủy ban nhân dân các phường trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn về lĩnh vực lao động, người có công với nước và xã hội.

8. Phối hợp với các ngành, đoàn thể xây dựng phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ người có công với nước và các đối tượng chính sách xã hội; tổ chức và hướng dẫn thực hiện chương trình giảm nghèo trên địa bàn.

9. Tổ chức kiểm tra việc thực hiện chế độ, chính sách về lao động, người có công với nước và xã hội; giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, chống lãng phí trong hoạt động lao động, người có công với nước và xã hội theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận.

10. Tổ chức ứng dụng tiến bộ khoa học, công nghệ; xây dựng hệ thống thông tin, lưu trữ phục vụ công tác quản lý nhà nước và chuyên môn, nghiệp vụ về lĩnh vực lao động, người có công với nước và xã hội.

11. Thực hiện chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất về tình hình thực hiện nhiệm vụ được giao theo quy định của Ủy ban nhân dân quận và Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

12. Quản lý tổ chức bộ máy, biên chế, thực hiện chế độ, chính sách, chế độ đãi ngộ, khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ đối với cán bộ, công chức, viên chức và người lao động thuộc phạm vi quản lý theo quy định của pháp luật và phân công, phân cấp, ủy quyền của Ủy ban nhân dân quận.

13. Quản lý tài chính, tài sản được giao theo quy định của pháp luật và phân công của Ủy ban nhân dân quận.

14. Thực hiện một số nhiệm vụ khác do Ủy ban nhân dân quận giao hoặc theo quy định của pháp luật.

Chương III **TỔ CHỨC BỘ MÁY VÀ BIÊN CHẾ**

Điều 3. Cơ cấu tổ chức

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có Trưởng phòng, từ 01 đến 03 Phó Trưởng phòng, các công chức và nhân viên.

2. Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận đồng thời chịu trách nhiệm trước Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội về thực hiện các mặt công tác chuyên môn và trước pháp luật về việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao và toàn bộ hoạt động của Phòng.

3. Các Phó Trưởng phòng giúp Trưởng phòng phụ trách và theo dõi một số mặt công tác; chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công. Khi Trưởng phòng vắng mặt một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng.

4. Việc bổ nhiệm, điều động, luân chuyển, khen thưởng, kỷ luật, miễn nhiệm, từ chức, thực hiện chế độ, chính sách đối với Trưởng phòng, Phó Trưởng phòng do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định.

Điều 4. Tổ chức bộ máy

1. Cán bộ, công chức chuyên môn, nghiệp vụ làm công tác lao động - thương binh và xã hội trên địa bàn quận được bố trí tương xứng với nhiệm vụ được giao.

2. Căn cứ vào chức năng, nhiệm vụ nêu trên, đặc điểm tình hình cụ thể của cơ quan, trình độ, năng lực cán bộ, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội tổ chức thành các tổ chuyên môn, gồm những công chức được phân công đảm nhận các chức danh công việc trên các mặt công tác:

- Tổ chính sách lao động: việc làm, dạy nghề, tiền công, tiền lương, quản lý lao động, hòa giải tranh chấp lao động, vệ sinh an toàn lao động, phòng chống cháy nổ, bảo hộ lao động; quản lý nhà nước về bảo hiểm xã hội, bảo hiểm thất nghiệp;

- Tổ chính sách xã hội: bảo trợ xã hội, bình đẳng giới, các phong trào toàn dân chăm sóc, hỗ trợ đối tượng chính sách xã hội; chính sách người có công với nước: hướng dẫn thực hiện các chính sách đối với người có công, các phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ người có công; quản lý nghĩa trang liệt sỹ, đài tưởng niệm, các công trình ghi công liệt sỹ, quỹ đền ơn đáp nghĩa...;

- Tổ phòng, chống tệ nạn xã hội: mại dâm, ma túy (quản lý người cai nghiện tại gia đình, cộng đồng, người sau cai nghiện và phòng, chống tái nghiện ma túy);

- Tổ bảo vệ và chăm sóc trẻ em;

- Tổ xóa đói, giảm nghèo và việc làm;

- Tổ tài chính, tài sản, kế toán tài vụ, thủ quỹ; thực hiện chi trả chế độ chính sách, chế độ đãi ngộ;

- Tổ giải quyết khiếu nại, tố cáo; phòng, chống tham nhũng, tiêu cực, chống lãng phí trong hoạt động lao động, người có công và xã hội;

- Tổ kế hoạch, tổng hợp, thống kê, hành chính, văn thư lưu trữ; chế độ thông tin, báo cáo định kỳ và đột xuất; khen thưởng, kỷ luật, đào tạo và bồi dưỡng về chuyên môn, nghiệp vụ và một số công việc khác theo phân công của lãnh đạo Phòng.

Tùy theo quy mô hoạt động và tính chất công việc và nhân sự cụ thể của địa phương, Ủy ban nhân dân quận có thể thành lập thêm các tổ hoặc hợp nhất, chia tách các tổ, bố trí cán bộ phụ trách riêng từng lĩnh vực hoặc ghép nhiều lĩnh vực vào cùng một tổ trên cơ sở tinh gọn, hiệu quả và tiết kiệm.

Điều 5. Biên chế

Căn cứ vào khối lượng công việc và tình hình cán bộ cụ thể để xác định từng chức danh và tiêu chuẩn nghiệp vụ công chức để phân bổ biên chế cho phù hợp, đảm bảo thực hiện và hoàn thành nhiệm vụ được giao.

Biên chế hành chính của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội do Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định trong tổng số biên chế hành chính của quận trên cơ sở chỉ tiêu biên chế hành chính được Ủy ban nhân dân thành phố giao cho quận hàng năm.

Chương IV

CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 6. Chế độ làm việc

1. Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội làm việc theo chế độ Thủ trưởng. Trưởng phòng chịu trách nhiệm trước Ủy ban nhân dân quận, Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận và trước pháp luật về toàn bộ hoạt động của Phòng. Trưởng phòng lãnh đạo, điều hành mọi hoạt động của Phòng.

2. Các Phó Trưởng phòng là người giúp Trưởng phòng phụ trách những lĩnh vực công tác do Trưởng phòng phân công bằng văn bản, trực tiếp giải quyết những công việc phát sinh thuộc lĩnh vực phụ trách, chịu trách nhiệm trước Trưởng phòng và trước pháp luật về nhiệm vụ được phân công theo từng lĩnh vực chuyên môn, nghiệp vụ.

Khi giải quyết công việc thuộc lĩnh vực mình phụ trách có liên quan đến nội dung chuyên môn thuộc lĩnh vực khác, Phó Trưởng phòng chủ động báo cáo và xin ý kiến chỉ đạo giải quyết của Trưởng phòng. Trong trường hợp Trưởng phòng vắng mặt, một Phó Trưởng phòng được Trưởng phòng ủy nhiệm điều hành các hoạt động của Phòng.

Các Phó Trưởng phòng được ký và đóng dấu của Phòng đối với những công việc mà Trưởng phòng phân công phụ trách cụ thể.

3. Cán bộ, công chức của Phòng có chức danh, nhiệm vụ cụ thể, đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về cán bộ, công chức.

Trong trường hợp Trưởng phòng có yêu cầu trực tiếp đối với cán bộ, công chức phải giải quyết những công việc thuộc phạm vi thẩm quyền của Phó Trưởng phòng, yêu cầu đó phải được thực hiện ngay và sau đó báo lại cho Phó Trưởng phòng phụ trách trực tiếp được biết.

Điều 7. Chế độ sinh hoạt hội họp

1. Hàng tuần, lãnh đạo Phòng họp giao ban một lần để đánh giá việc thực hiện nhiệm vụ và phổ biến kế hoạch công tác cho tuần sau.

2. Sau khi họp giao ban lãnh đạo Phòng, các bộ phận họp với Phó Trưởng phòng trực tiếp phụ trách để đánh giá công việc, bàn phương hướng triển khai công tác và thống nhất lịch công tác.

3. Mỗi tháng họp toàn thể cơ quan một lần.

4. Mỗi thành viên trong từng bộ phận có lịch công tác do lãnh đạo Phòng trực tiếp phê duyệt. Lịch làm việc với các tổ chức và cá nhân có liên quan, thể hiện trong lịch công tác hàng tuần, tháng của đơn vị.

5. Hàng quý, Trưởng phòng làm việc chuyên đề từng lĩnh vực đã phân công Phó Trưởng phòng phụ trách; Phó Trưởng phòng có trách nhiệm chuẩn bị các nội dung báo cáo và đề xuất các giải pháp thực hiện để nâng cao trách nhiệm và hiệu quả hoạt động của Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội.

6. Ngoài ra, Trưởng phòng có thể tổ chức các cuộc họp đột xuất để giải quyết các vấn đề liên quan đến trách nhiệm của đơn vị trong quá trình điều hành công việc.

Điều 8. Mối quan hệ công tác

1. Đối với Sở Lao động - Thương binh và Xã hội:

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chịu sự hướng dẫn và kiểm tra về chuyên môn, nghiệp vụ của Sở Lao động - Thương binh và Xã hội; thực hiện việc báo cáo công tác chuyên môn theo định kỳ và theo yêu cầu của Giám đốc Sở Lao động - Thương binh và Xã hội.

2. Đối với Ủy ban nhân dân quận:

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp và toàn diện của Ủy ban nhân dân quận về toàn bộ công tác theo chức năng, nhiệm vụ của Phòng; Trưởng phòng trực tiếp nhận chỉ đạo và nội dung công tác từ Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phụ trách khối; đồng thời thực hiện báo cáo định kỳ, đột xuất với Ủy ban nhân dân quận về các mặt công tác đã được phân công và đề xuất các biện pháp giải quyết công tác chuyên môn trong quản lý nhà nước thuộc lĩnh vực liên quan.

3. Đối với các phòng, ban chuyên môn của quận:

Thực hiện mối quan hệ phối hợp và hợp tác trên cơ sở bình đẳng, thực hiện chức năng, nhiệm vụ theo quy định nhằm đảm bảo hoàn thành chỉ tiêu kinh tế - xã hội và nhiệm vụ chính trị của địa phương. Trong phối hợp giải quyết công việc thuộc lĩnh vực phụ trách, nếu chưa nhất trí với ý kiến phòng, ban chuyên môn khác, Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội sẽ chủ động tập hợp ý kiến và trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận hoặc Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận phụ trách khối xem xét, quyết định.

4. Đối với Ủy ban nhân dân phường:

a) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra và giúp đỡ về nghiệp vụ ngành để Ủy ban nhân dân phường chỉ đạo thực hiện tốt mọi chủ trương chính sách, chế độ, thể lệ về lao động, người có công với nước và xã hội trong phạm vi địa phương theo quy định của Nhà nước và Ủy ban nhân dân thành phố.

b) Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội có trách nhiệm cùng với Ủy ban nhân dân phường kiện toàn, củng cố bộ phận công tác về lao động, người có công và xã hội tại địa phương. Phối hợp với các tổ chức, chính quyền, đoàn thể nhân dân xây dựng phong trào toàn dân chăm sóc, giúp đỡ người có công với nước và đối tượng chính sách xã hội. Giúp Ủy ban nhân dân phường phối hợp thực hiện tuyên truyền giáo dục phòng chống, ngăn ngừa các tệ nạn xã hội trên địa bàn quận.

5. Đối với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc, các đoàn thể, các tổ chức xã hội trên địa bàn quận:

Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội phối hợp và hỗ trợ Mặt trận Tổ quốc và các đoàn thể quần chúng thực hiện tốt chế độ chính sách lao động, người có công và xã hội, tiếp nhận những phản ánh về tình hình các đối tượng để giải quyết kịp thời; phối hợp với các đoàn thể quần chúng vận động các đối tượng chính sách, phát huy truyền thống của dân tộc và truyền thống cách mạng để thực hiện tốt các cuộc vận động của Đảng và Nhà nước.

Khi Ủy ban Mặt trận Tổ quốc quận, phường và các đơn vị sự nghiệp, các ban, ngành, đoàn thể, các tổ chức xã hội của quận có yêu cầu, kiến nghị các vấn đề thuộc chức năng của Phòng, Trưởng phòng có trách nhiệm trình bày, giải quyết hoặc trình Ủy ban nhân dân quận giải quyết các yêu cầu đó theo thẩm quyền.

6. Đối với các đơn vị, tổ chức sản xuất kinh doanh và dịch vụ liên quan đến chức năng quản lý trên địa bàn quận:

Trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra, giải quyết các chế độ, chính sách về lao động, người có công và xã hội theo quy định của Nhà nước;

Đối với các đơn vị sản xuất kinh doanh, hành chính sự nghiệp của Trung ương, thành phố trú đóng và hoạt động trên địa bàn quận, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội giúp Ủy ban nhân dân quận thực hiện việc quản lý hành chính nhà nước về các lĩnh vực thuộc chức năng đối với các đơn vị này theo quy định.

Chương V
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 9. Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội, Thủ trưởng các cơ quan liên quan có trách nhiệm tổ chức thực hiện Quy chế này sau khi được Chủ tịch Ủy ban nhân dân quận quyết định ban hành.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp phát sinh các vấn đề vượt quá thẩm quyền thì Trưởng Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội nghiên cứu đề xuất, kiến nghị với Ủy ban nhân dân quận (thông qua Trưởng Phòng Nội vụ) xem xét, giải quyết hoặc bổ sung và sửa đổi Quy chế cho phù hợp./.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH

Đặng Văn Đức

UBND thành phố Hồ Chí Minh xuất bản

Điện thoại: 38.233.686

Fax: (84.8) 38.233.694

Email: ttcb@tphcm.gov.vn

Website: www.congbao.hochiminhcity.gov.vn

In tại Xí nghiệp Bản đồ Đà Lạt - Bộ Quốc phòng

Giá: 5.000 đồng